

BÁO CÁO CƠ SỞ THỰC HÀNH ĐẠT YÊU CẦU THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 2, ĐIỀU 10

(Theo quy định tại Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ)

Trình bày theo từng ngành/chuyên ngành, từng trình độ CKI, CKII, BSNT (mục 3, mục 4, mục 5 có thể gộp chung nếu cùng tổ chức thực hành tại 1 cơ sở thực hành)

STT	CÁC HỒ SƠ VÀ NỘI DUNG YÊU CẦU		Số lượng
1	Khung chương trình đào tạo		
1.1	Chuyên khoa cấp II		48
1	CK 62 72 05 01	Chẩn đoán hình ảnh	
2	CK 62 72 35 01	Da liễu	
3	CK 62 72 20 35	Dị ứng	
4	CK 62 72 33 01	Gây mê hồi sức	
5	CK 62 72 01 05	Giải phẫu bệnh	
6	CK 62 72 04 01	Hóa sinh	
7	CK 62 72 31 01	Hồi sức cấp cứu	
8	CK 62 72 25 01	Huyết học - Truyền máu	
9	CK 62 72 65 01	Ký sinh trùng	
10	CK 62 72 24 01	Lao	
		Ngoại khoa	
11	CK 62 72 07 25	Chấn thương chỉnh hình	
12	CK 62 72 07 05	Ngoại - Lồng ngực	
13	CK 62 72 07 35	Ngoại - Nhi	
14	CK 62 72 07 20	Ngoại - Thần kinh và sọ não	
15	CK 62 72 07 01	Ngoại - Tiêu hóa	
16	CK 62 72 07 10	Ngoại - Tim mạch	
17	CK 62 72 56 01	Nhãn khoa	
		Nhi khoa	
18	CK 62 72 16 10	Nhi - Hô hấp	
19	CK 62 72 16 50	Nhi - Hồi sức	
20	CK 62 72 16 30	Nhi - Huyết học	
21	CK 62 72 16 45	Nhi - Nội tiết và chuyển hóa	
22	CK 62 72 16 01	Nhi - Sơ sinh	
23	CK 62 72 16 25	Nhi - Thần kinh	
24	CK 62 72 16 35	Nhi - Thận	
25	CK 62 72 16 05	Nhi - Tiêu hóa	
26	CK 62 72 16 15	Nhi - Tim mạch	
		Nội khoa	
27	CK 62 72 20 30	Lão khoa	
28	CK 62 72 20 05	Nội - Hô hấp	
29	CK 62 72 20 15	Nội - Nội tiết	
30	CK 62 72 20 20	Nội - Thận tiết niệu	
31	CK 62 72 20 01	Nội - Tiêu hóa	
32	CK 62 72 20 25	Nội - Tim mạch	
33	CK 62 72 20 10	Nội - Xương khớp	
34	CK 62 72 43 01	Phục hồi chức năng	
35	CK 62 72 28 01	Răng Hàm Mặt	

36	CK 62 72 13 01	Sản Phụ khoa	
37	CK 62 72 53 01	Tai Mũi Họng	
38	CK 62 72 22 45	Tâm thần	
39	CK 62 72 21 40	Thần kinh	
40	CK 62 72 38 01	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	
41	CK 62 72 23 01	Ung thư	
42	CK 62 72 68 01	Vi sinh y học	
43	CK 62 72 80 05	Y học hạt nhân	
44	CK 62 72 60 01	Y học cổ truyền	
45	CK 62 72 88 01	Dinh dưỡng	
46	CK 62 72 76 05	Quản lý Y tế	
47	CK 62 72 01 15	Y pháp	
48	CK 62 72 76 01	Y tế công cộng	
1.2	Chuyên khoa cấp I		34
	CK 60 72 01	Y học hình thái	
1		Giải phẫu bệnh	
2		Y pháp	
	CK 60 72 04	Y học chức năng	
3		Hóa sinh y học	
4	CK 60 72 05	Chẩn đoán hình ảnh	
5	CK 60 72 35	Da liễu	
6	CK 60 72 33	Gây mê hồi sức	
7	CK 60 72 31	Hồi sức cấp cứu	
8	CK 60 72 25	Huyết học và Truyền máu	
9	CK 60 72 65	Ký sinh trùng	
10	CK 60 72 92	Kỹ thuật y học chuyên ngành Xét nghiệm	
11	CK 60 72 24	Lao	
12	CK 60 72 07	Ngoại khoa	
13	CK 60 72 07	Phẫu thuật tạo hình	
14	CK 60 72 56	Nhãn khoa	
15	CK 60 72 16	Nhi khoa	
16	CK 60 72 20	Nội khoa	
17	CK 60 72 20	Dị ứng	
18	CK 60 72 20	Nội Tim mạch	
19	CK 60 72 43	Phục hồi chức năng	
20	CK 60 72 28	Răng Hàm Mặt	
21	CK 60 72 13	Sản phụ khoa	
22	CK 60 72 53	Tai Mũi Họng	
23	CK 60 72 22	Tâm thần	
24	CK 60 72 21	Thần kinh	
25	CK 60 72 38	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	
26	CK 60 72 23	Ung thư	

27	CK 60 72 68	Vi sinh y học	
28	CK 60 72 60	Y học cổ truyền	
29	CK 60 72 98	Y học gia đình	
30	CK 60 72 80	Y học hạt nhân	
31	CK 60 72 88	Dinh dưỡng cộng đồng	
32	CK 60 72 70	Dịch tễ học	
33	CK 60 72 73	Y học dự phòng	
34	CK 60 72 76	Y tế công cộng	
1.3	Bác sĩ nội trú		38
1	NT 62 72 05 01	Chẩn đoán hình ảnh	
2	NT 62 72 35 01	Da liễu	
3	NT 62 72 20 35	Dị ứng	
4	NT 62 72 50 01	Dược lý và độc chất	
5	NT 62 72 33 01	Gây mê hồi sức	
6	NT 62 72 01 05	Giải phẫu bệnh	
7	NT 62 72 01 10	Giải phẫu người	
8	NT 62 72 04 01	Hóa sinh	
9	NT 62 72 31 01	Hồi sức cấp cứu	
10	NT 62 72 25 01	Huyết học - Truyền máu	
11	NT 62 72 65 01	Ký sinh trùng	
12	NT 62 72 24 01	Lao	
13	NT 62 72 04 20	Miễn dịch	
14	NT 62 72 01 01	Mô phôi thai học	
15	NT 62 72 07 50	Ngoại khoa	
16	NT 62 72 56 01	Nhãn khoa	
17	NT 62 72 16 55	Nhi khoa	
18	NT 62 72 20 50	Nội khoa	
19	NT 62 72 20 30	Lão khoa	
20	NT 62 72 20 25	Nội - Tim mạch	
21	NT 62 72 10 01	Phẫu thuật tạo hình	
22	NT 62 72 43 01	Phục hồi chức năng	
23	NT 62 72 28 01	Răng Hàm Mặt	
24	NT 62 72 13 01	Sản phụ khoa	
25	NT 62 72 04 10	Sinh lý bệnh	
26	NT 62 72 04 05	Sinh lý học	
27	NT 62 72 53 01	Tai Mũi Họng	
28	NT 62 72 22 45	Tâm thần	
29	NT 62 72 21 40	Thần kinh	
30	NT 62 72 38 01	Truyền nhiễm	
31	NT 62 72 23 01	Ung thư	
32	NT 62 72 08 05	Vi sinh y học	

33	NT 62 72 60 01	Y học cổ truyền	
34	NT 62 72 98 01	Y học gia đình	
35	NT 62 72 01 15	Y pháp	
36	NT 62 72 01 01	Y sinh học di truyền	
37	NT 62 72 88 01	Dinh dưỡng	
38	NT 62 72 73 01	Y học dự phòng	
2	Khung chương trình đào tạo thực hành lâm sàng		
2.1	Chuyên khoa cấp II		48
2.2	Chuyên khoa cấp I		34
2.3	Bác sĩ nội trú		38
3	Bản chi tiết công bố của cơ sở thực hành là cơ sở khám bệnh (trích phần công bố đạt yêu cầu đào tạo ngành/chuyên ngành CKI, CKII, BSNT mà cơ sở giáo dục xác định chỉ tiêu)		Nhà trường sẽ phối hợp cùng các cơ sở thực hành và gửi khi thu thập đủ thông tin
4	Bản hợp đồng nguyên tắc theo quy định của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP		
5	Bản hợp đồng chi tiết		